TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2018/DS-ST
Ngày: 24-5-2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phơ.

2. Bà Võ Ngọc Các.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đoàn Phước Đạt, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng*** *tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thúy Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2017/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2017 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2018/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Ngọc Tr, sinh năm 1984.

Địa chỉ thường trú: Ấp W, thị trấn Đ, huyện V, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Huỳnh Ánh T, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Số B, đường Đ, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Theo văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 5 năm 2017.

- *Bị đơn:*

Bà Trần Thị Thúy Q1, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: Số I, Đường E, Khu dân cư Z, khóm X, phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Số I, Đường F, Khu dân cư Z, khóm X, phường Y, thành

phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Huỳnh Kiến Q2, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: Số I, Đường E, Khu dân cư Z, khóm X, phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Số H, đường G, khóm U, phường O, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/10/2017 của bà Huỳnh Ngọc Tr và quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Ánh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc Tr trình bày:

Do có quen biết với vợ chồng bà Trần Thị Thúy Q1 và ông Huỳnh Kiến Q2 nên bà Huỳnh Ngọc Tr có cho vợ chồng bà Q1 vay tiền nhiều lần, cụ thể theo các biên nhận như sau:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 19/6/2015, vợ chồng bà Q1 vay của bà Tr số tiền 40.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng, thời hạn vay là 05 tháng, việc vay tiền có làm biên nhận;

- Lần thứ hai: Vào ngày 19/6/2016, vợ chồng bà Q1 vay của bà Tr số tiền 30.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng, thời hạn vay là 05 tháng, việc vay tiền có làm biên nhận;

- Lần thứ ba: Vào ngày 24/9/2016, vợ chồng bà Q1 có vay của bà Tr số tiền 30.000.000đồng, bà Tr chuyển tiền vào tài khoản của bà Q1 tại Ngân hàng TMCP ĐA theo Giấy nộp tiền kiêm bảng kê lập ngày 24/9/2016;

- Lần thứ tư: Vào ngày 30/9/2016, vợ chồng bà Q1 có vay của bà Tr số tiền 30.000.000đồng, bà Tr chuyển tiền vào tài khoản của bà Q1 tại Ngân hàng TMCP ĐA theo Giấy nộp tiền kiêm bảng kê lập ngày 30/9/2016;

- Lần thứ năm: Vào ngày 12/11/2016, vợ chồng bà Q1 có vay của bà Tr số tiền 60.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, việc vay tiền có làm biên nhận.

Tổng số tiền vợ chồng bà Q1 vay của bà Tr là 190.000.000đồng. Tuy nhiên từ khi vay đến nay vợ chồng bà Q1 không trả tiền vốn và tiền lãi như cam kết. Bà Tr đã nhiều lần liên hệ vợ chồng bà Q1 trả tiền nhưng vợ chồng bà Q1 hứa mà không trả.

Trong đơn khởi kiện ngày 26/10/2017 bà Huỳnh Ngọc Tr yêu cầu bà Trần Thị Thúy Q1 và ông Huỳnh Kiến Q2 trả cho bà Huỳnh Ngọc Tr tổng số tiền là 220.863.000đồng (trong đó tiền vốn vay là 190.000.000đồng cùng với số tiền lãi là 30.863.000đồng). Tại phiên tòa bà T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể không yêu cầu ông Q2 trả số nợ trên cho bà Tr mà chỉ yêu cầu bà Q1 trả nợ cho bà Tr cụ thể:

- Buộc bà Q1 phải có trách nhiệm trả số tiền vốn cho bà Tr là

190.000.000đồng.

- Buộc bà Q1 phải trả lãi theo mức lãi suất là 1%/tháng. Cụ thể như sau:

1. Đối với số tiền vốn 40.000.0000 đồng vay ngày 19/6/2015 đến 24/5/2018 là 35 tháng 05 ngày.

(40.000.0000 đồng x 1%/tháng x 35 tháng 05 ngày) = 14.066.000 đồng.

2. Đối với số tiền vốn 30.000.000 đồng vay ngày 19/6/2016 đến ngày 24/5/2018 là 23 tháng 05 ngày.

(30.000.000 đồng x 1%/tháng x 23 tháng 05 ngày) = 6.950.000 đồng.

3. Đối với số tiền vốn 30.000.000 đồng vay ngày 24/9/2016 đến ngày 24/5/2018 là 20 tháng.

(30.000.000 đồng x 1%/tháng x 20 tháng) = 6.000.000 đồng.

4. Đối với số tiền vốn 30.000.000 đồng vay ngày 30/9/2016 đến ngày 24/5/2018 là 19 tháng 24 ngày.

(30.000.000 đồng x 1%/tháng x 19 tháng 24 ngày) = 5.940.000 đồng.

5. Đối với số tiền vốn 60.000.000 đồng vay ngày 12/11/2016 đến ngày 24/5/2018 là 18 tháng 12 ngày.

(30.000.000 đồng x 1%/tháng x 18 tháng 12 ngày) = 11.040.000 đồng.

Tổng số tiền lãi tạm tính đến ngày 24/5/2018 là 43.996.000 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi: 233.996.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2017 cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị Thúy Q1 trình bày:

Bà Q1 thừa nhận các biên nhận tiền mà bà Tr cung cấp là hoàn toàn đúng, hiện nay bà Q1 còn nợ bà Tr số tiền vốn tổng cộng 190.000.000đồng, tuy nhiên tiền lãi thỏa thuận không phải như bà Tr trình bày. Lần đầu là 10%/tháng các lần sau 15%/tháng. Trong quá trình vay bà Q1 có đóng lãi cho bà Tr đúng như thỏa thuận nhưng khi đóng lãi do hai bên không có làm biên nhận mà hiện nay bà Q1 cũng không nhớ đã đóng số tiền bao nhiêu.

Bà Q1 đồng ý chỉ một mình bà Q1 trả số tiền vốn 190.000.000 đồng cho bà Tr không yêu cầu ông Q2 có trách nhiệm trả số nợ này vì đây là giao dịch riêng giữa bà Tr với bà Q1 không liên quan gì đến ông Q2. Do hiện nay bà Q1 đang gặp khó khăn về kinh tế nên yêu cầu bà Tr cho bà Q1 trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ vốn 190.000.000 đồng và yêu cầu bà Tr không tính lãi.

Tại tờ tường trình ngày 29/11/2017 cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Huỳnh Kiến Q2 trình bày:

Ông Q2 và bà Q1 là vợ chồng kết hôn vào năm 2009. Cả hai vợ chồng đều là công chức nhà nước hưởng lương hàng tháng và trang trải gia đình, đời sống gia đình không thiếu thốn. Đến khoảng tháng 11/2016 bà Tr liên lạc cho ông Q2 hay là

bà Q1 có nợ bà Tr, việc bà Q1 vay tiền của bà Tr cả bà Q1 và bà Tr không có thông qua ông Q2, không có sự đồng ý của ông Q2, ông Q2 không có ký nhận nợ với bà Tr vào bất kỳ biên nhận nào nên ông Q2 không hề hay biết. Sau đó ông Q2 có làm việc với bà Q1 về số tiền nợ bà Tr thì bà Q1 không cho ông Q2 biết mục đích mượn nợ để làm gì vì bà Q1 không có dùng số tiền đó chu cấp cho gia đình. Qua yêu cầu của bà Tr thì ông Q2 không đồng ý trả vì đây là nợ riêng của bà Q1 không liên quan gì đến ông Q2.

Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về phạm vi khởi kiện: Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông Q2 trả nợ mà chỉ yêu cầu bà Q1 trả nợ. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; Về nội dung vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc Tr và bị đơn bà Trần Thị Thúy Q1 đều thừa nhận khoản tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả là số tiền phát sinh từ việc phía bị đơn vay của nguyên đơn. Do đó Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] Về phạm vi khởi kiện: Trong đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc Tr yêu cầu bà Trần Thị Thúy Q1 và ông Huỳnh Kiến Q2 trả cho bà Tr số tiền nợ. Tại phiên tòa hôm nay bà T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông Q2 trả nợ mà chỉ yêu cầu bà Q1 trả nợ. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa giữa nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận bị đơn Q1 có vay số tiền 190.000.000 đồng của nguyên đơn Trang. Nên căn cứ Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bà Q1 có nợ bà Tr số tiền vốn vay 190.000.000 đồng.

[4] Xét về số tiền vốn vay 190.000.000 đồng, thấy rằng:

Bà Q1 thừa nhận có vay tiền của bà Tr tổng cộng số tiền vốn là 190.000.000 đồng theo 05 biên nhận bà Tr cung cấp là đúng.

Như vậy, trên thực tế giữa bà Tr và bà Q1 có giao kết hợp đồng vay tài sản. Các bên tiến hành giao kết trên nguyên tắc tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, do đó hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Xét thấy bà Q1 đã nhận tiền vay của bà Tr số tiền 190.000.000 đồng nhưng đến nay chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ Luật Dân sự năm 2005. Hội đồng xét xử xác định số tiền vốn vay bà Q1 còn nợ bà Tr là 190.000.000 đồng.

[5] Xét về số tiền lãi của số tiền vốn vay 190.000.000 đồng, thấy rằng:

Bà Tr yêu cầu bà Q1 trả lãi trên số tiền vốn vay 190.000.000 đồng, với lãi suất là 1%/tháng. Cụ thể như sau:

1. Đối với số tiền vốn 40.000.0000 đồng vay ngày 19/6/2015 đến 24/5/2018 là 35 tháng 05 ngày.

(40.000.0000 đồng x 1%/tháng x 35 tháng 05 ngày) = 14.066.000 đồng.

2. Đối với số tiền vốn 30.000.000 đồng vay ngày 19/6/2016 đến ngày 24/5/2018 là 23 tháng 05 ngày.

(30.000.000 đồng x 1%/tháng x 23 tháng 05 ngày) = 6.950.000 đồng.

3. Đối với số tiền vốn 30.000.000 đồng vay ngày 24/9/2016 đến ngày 24/5/2018 là 20 tháng.

(30.000.000 đồng x 1%/tháng x 20 tháng) = 6.000.000 đồng.

4. Đối với số tiền vốn 30.000.000 đồng vay ngày 30/9/2016 đến ngày 24/5/2018 là 19 tháng 24 ngày.

(30.000.000 đồng x 1%/tháng x 19 tháng 24 ngày) = 5.940.000 đồng.

5. Đối với số tiền vốn 60.000.000 đồng vay ngày 12/11/2016 đến ngày 24/5/2018 là 18 tháng 12 ngày.

(30.000.000 đồng x 1%/tháng x 18 tháng 12 ngày) = 11.040.000 đồng.

Tổng số tiền lãi bà Tr yêu cầu bà Q1 phải trả tạm tính đến ngày 24/5/2018 là 43.996.000 đồng.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tổng cộng số tiền vốn vay và lãi bà Q1 phải trả cho bà Tr là **233.996.000 đồng**.

Bị đơn Q1 đề nghị xem xét lại phần lãi suất bà Q1 đã đóng cho bà Tr nhưng bà Q1 không yêu cầu xem xét số tiền lãi cụ thể là bao nhiêu, trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bà Q1 không cung cấp được bất cứ tài liệu chứng cứ gì để chứng minh và phía nguyên đơn cũng không thừa nhận việc bà Q1 có đóng lãi cho bà Tr.

Tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"* và *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"* nên không đủ cơ sở xác định bà Q1 đã đóng lãi cho bà Tr. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích, nhận định ở phần **[3], [4], [5]** buộc bị đơn bà Q1 phải trả cho nguyên đơn bà Tr số tiền vốn, lãi vay tổng cộng là **233.996.000 đồng**.

[6] Đối với yêu cầu của bị đơn: Bị đơn Q1 yêu cầu nguyên đơn Trang không tính lãi suất trên số tiền vốn 190.000.000 đồng và yêu cầu được trả mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi trả dứt số số tiền vốn 190.000.000 đồng do nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ những phân tích, nhận định trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 2, 4 Điều 91; Khoản 2 Điều 92; Khoản 1 Điều 244; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 305; Điều 471; Khoản 1 Điều 474, Khoản 2 Điều 476; của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc Tr: Buộc bị đơn bà Trần Thị Thúy Q1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc Tr số tiền vốn vay là 190.000.000 đồng, lãi vay là 43.996.000 đồng, tổng số tiền vốn vay và lãi vay là 233.996.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Thúy Q1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 11.699.800 đồng.

Bà Huỳnh Ngọc Tr không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Huỳnh Ngọc Tr số tiền tạm ứng án phí là 5.521.500 đồng theo biên lai thu số 0008504 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Kể từ ngày bà Huỳnh Ngọc Tr có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Trần Thị Thúy Q1 còn phải trả lãi cho bà Huỳnh Ngọc Tr theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền vốn chưa thanh toán.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Thanh Loan